

Bản án số: 38/2024/KDTM-ST

Ngày: 05 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Bà Trần Kim Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: T đất số 670, tờ bản đồ 1AB.9, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1983; địa chỉ: A khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương – là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ: Số A khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH S (sau đây gọi là **Công ty S**) và **Công ty TNHH M** (sau đây gọi là **Công ty M**) có ký hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp số 0112/2022/HĐTT-PH ngày 01/12/2022. Theo hợp đồng, **Công ty S** sẽ cung cấp suất ăn công nghiệp cho **Công ty M**. Hai bên thỏa thuận và thống nhất trong hợp đồng vào ngày cuối cùng của hàng tháng, hai bên đối chiếu công nợ và bên **Công ty S** xuất hóa đơn cho bên **Công ty M**, trong vòng 20 ngày **Công ty M** có trách nhiệm thanh toán 100% tiền hàng theo hóa đơn **Công ty S** xuất cho **Công ty M**. Thực hiện hợp đồng, **Công ty S** đã cung cấp đầy đủ về số lượng hàng hóa cũng như đã xuất hóa đơn theo thỏa thuận nhưng **Công ty M** không thanh toán cho **Công ty S**. Ngày 06/01/2023, **Công ty M** có thanh toán tiền cho **Công ty S** số lượng phần ăn từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022 với số tiền 59.744.000 đồng nhưng sau đó **Công ty M** không tiếp tục thanh toán số tiền còn lại. **Công ty M** có gửi cho **Công ty S** kế hoạch chi trả số tiền còn nợ chưa thanh toán nhưng sau đó **Công ty M** không thực hiện. Đến nay, **Công ty M** còn nợ **Công ty S** số tiền 274.230.000 đồng.

Do đó, **Công ty S** yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc **Công ty TNHH M** có trách nhiệm thanh toán cho **Công ty TNHH S** số tiền nợ là 274.230.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp này 01/12/2022, hóa đơn giá trị gia tăng, kế hoạch thanh toán ngày 17/4/2023.

- Bị đơn **Công ty TNHH M** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập **Công ty TNHH M** đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên **Công ty TNHH M** đều vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân

sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

-Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể: Buộc Công ty TNHH M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền nợ là 274.230.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH S khởi kiện tranh chấp đối với Công ty TNHH M liên quan đến Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp được ký kết giữa 02 Công ty. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty TNHH M có trụ sở tại Số A khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 513 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH M được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của bị đơn Công ty TNHH M trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp ngày 01/12/2022 giữa Công ty S và Công ty M thể hiện Công ty S cung cấp suất ăn công nghiệp cho Công ty M với số lượng, chất lượng, thời gian theo yêu cầu cụ thể của Công ty P

hàng ngày; mỗi suất ăn có đơn giá là 20.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT 10%); vào ngày cuối cùng hàng tháng, hai bên đối chiếu công nợ, Công ty S xuất hóa đơn cho Công ty M; Công ty M thanh toán 100% tiền hàng trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ với phương thức chuyển khoản (Công ty S phải giao hóa đơn cho Công ty M trước ngày 05 tây của tháng tiếp theo).

Ngày 17/4/2023, Công ty M xác nhận các hóa đơn giá trị gia tăng chưa thanh toán cho Công ty S gồm 04 hóa đơn với tổng số tiền là 274.230.000 đồng. Cụ thể: Hóa đơn số 24 ngày 02/02/2023 với giá trị là 51.744.000 đồng, hóa đơn số 37 ngày 28/02/2023 có giá trị 87.120.000 đồng, hóa đơn số 49 ngày 31/3/2023 với giá trị 86.460.000 đồng và hóa đơn số 81 ngày 17/4/2023 có giá trị là 48.906.000 đồng.

[2.3]. Theo Điều 85 của Luật Thương mại quy định: “Trừ trường hợp có thoả thuận khác, khách hàng có các nghĩa vụ sau đây: Thanh toán tiền cung ứng dịch vụ như đã thoả thuận trong hợp đồng”.

Mặt khác, theo các Điều 515, 518 và Điều 519 của Bộ luật Dân sự quy định: Bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ theo thoả thuận.

[2.4]. Do đó, Công ty TNHH S yêu cầu Công ty TNHH M thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền còn nợ là 1274.230.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 85 của Luật Thương mại.
- Các Điều 513, 515, 518 và Điều 519 của Bộ luật Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với bị đơn Công ty TNHH M về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

- Buộc Công ty TNHH M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền 274.230.000 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH M phải chịu 13.711.500 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH S số tiền 6.855.750 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0001697 ngày 14/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc K